

MÃ LA CỦA  
NGƯỜI RAGLAI  
MỘT PHẦN CỦA  
VĂN HÓA CÔNG  
CHIÊNG TÂY  
NGUYÊN

TS. PHAN QUỐC ANH

Giám đốc Sở KH&CN Ninh Thuận

**1. Raglai là một dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên**

Nói đến các dân tộc Tây Nguyên, người ta thường nghĩ đến các dân tộc thiểu số sống ở các tỉnh được gọi là Tây Nguyên như: Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Kom Tum và gần đây thêm một tỉnh mới thành lập là Đắk Nông. Thực ra đây chỉ là địa giới hành chính, không phải là địa giới văn hóa.

Nếu nói về địa giới văn hóa, các dân tộc Tây Nguyên bao gồm cả các dân tộc cư trú ở phía Tây các tỉnh duyên hải miền Trung từ đèo Ngang trở vào cho đến tận Bình Phước. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam đã đúng khi sưu tầm sử thi các dân tộc Tây Nguyên không chỉ ở 4 tỉnh Tây Nguyên mà cả ở

các tỉnh duyên hải miền Trung. Nhờ vậy, chúng ta đã phát hiện được kho tàng sử thi quý báu, khá đồ sộ của dân tộc Raglai.

Dân tộc Raglai có khoảng trên 90 nghìn người, cư trú ở vùng núi cao, phía tây của các tỉnh Khánh Hoà, Ninh Thuận và Bình Thuận. Trong đó, cư trú đông nhất là ở tỉnh Ninh Thuận (gần 50 nghìn người). Là một trong các dân tộc trong nhóm ngữ hệ Malayo - Polinesien, dân tộc Raglai mang đầy đủ trên mình các sắc thái văn hóa của các dân tộc Tây Nguyên, trong đó có văn hóa công chiêng.

**2. Mã la - một nhạc cụ gõ bằng đồng, một đóng góp quan trọng trong văn hóa công chiêng Tây Nguyên**

**2.1. Cấu trúc mã la**

Mã la, mả la hay “ma la” là tên của người khác đặt cho một loại nhạc cụ gõ bằng đồng của người Raglai. Có thể vì loại nhạc cụ này thường được sử dụng nhiều trong lễ bỏ mả (bỏ ma)

nên được gọi là ma la, sau này gọi trại đi thành mã la chăng? Còn người Raglai gọi mã la là “Char”, là một loại nhạc cụ công chiêng không có núm, các dân tộc ở Cao nguyên gọi là chiêng bằng.

Trong vùng đồng bào Raglai sinh sống, hầu như không làng (palei) nào là không có mã la. Làng nhiều nhất (theo số liệu điều tra của Sở Văn hóa thông tin Ninh Thuận) là làng Kamau, xã Ma Nới, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Làng này có trên 30 bộ mã la.

Mã la được sử dụng theo bộ. Mỗi bộ có ít nhất là 2 chiếc, gọi là mã la mẹ con (Ina - Ana). Bộ mã la 4 chiếc thì có tên 1 mẹ và 3 con: con trưởng, con giữa, con út. Nhiều vùng có các bộ mã la 7, 9 hoặc 12 chiếc. Những bộ mã la nhiều chiếc thì có nhiều mẹ: mẹ cả, mẹ hai, mẹ ba v.v... Ở đây cần phải hiểu không phải mẹ cả, mẹ hai, mẹ ba là vợ cả, vợ lẽ do một ông chồng lấy nhiều vợ. Mẹ cả (Ina mul) ở đây được hiểu là bà tộc trưởng đã có chồng và có con và là người có quyền thế cao nhất. Các mẹ khác là



Mã la của người Raglai tham gia biểu diễn trong Liên hoan văn nghệ dân gian dân tộc Raglai. Ảnh: Quốc Anh

em ruột của mẹ cả nhưng các con phải gọi bằng mẹ. Trong gia đình mẫu hệ truyền thống của người Raglai, bà trưởng tộc, mẹ và con gái út là những người quan trọng nhất. Vì vậy, trong bộ mã la, thường có 3 chiếc mã la có chung tên (mẫu hệ) với thứ bậc khác nhau: Ina mul (mẹ lớn - bà trưởng tộc); Ina Ru wơ (mẹ Ru wơ) và ana Tuluih (con gái út). Ngoài ra, trong bộ mã la còn có rất nhiều con. Đây cũng là một sự thể hiện của chế độ mẫu hệ Raglai. Khác với bộ công chiêng Tây Nguyên, công lớn có vai trò giữ nhịp, còn ở bộ mã la Raglai, chiếc mã la mẹ là người cất tiếng đầu tiên của bài nhạc và có vai trò giữ nhịp chính, các mã la

con hoà theo. Nếu là bộ mã la nhiều mẹ thì mã la mẹ cả sẽ đảm nhiệm vai trò này.

Mã la là một loại nhạc cụ thiêng do tổ tiên ông bà để lại, người Raglai thường gọi là mã la ông bà. Mỗi lần lấy xuống để sử dụng đều phải làm lễ cúng.

Hầu như làng Raglai nào cũng có nhiều nghệ nhân biết đánh mã la. Dò nhu cầu nghi lễ, trong lễ bỏ mả phải có nhiều người biết đánh mã la, vì lễ kéo dài đến 3 ngày đêm nên luôn phải có nghệ nhân thay thế. Luyện tập mã la cũng rất công phu. Nghệ nhân phải thuộc bài bản, phải biết kết hợp giữa tay đánh (mã là đánh bằng gan bàn tay phải khi nắm lại) và

bàn tay trái phải điều tiết độ vang, các âm sắc, độ vang, trường độ. Mỗi bài bản mã la đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng giữa các mã la, đòi hỏi sự truyền dạy và khổ luyện lâu dài giữa các thế hệ nghệ nhân.

## 2.2. Hình thức diễn tấu

Mã la thường được dùng trong các lễ hội tiêu biểu của người Raglai như lễ “ăn đầu lúa” và lễ “bỏ mả”. Hiện nay, chúng tôi đã sưu tầm được gần 100 bài bản mã la, mỗi bài đều có tên gọi riêng. Trong đó chỉ có khoảng 5 đến 6 bài nhạc lễ mang tính thiêng dùng trong phần lễ, còn lại chủ yếu dùng trong phần “hội”.

Cách biểu diễn mã la của người Raglai cũng rất độc đáo. Số lượng người biểu diễn phụ thuộc vào số lượng của bộ mã la. Đa số các nghệ nhân sử dụng mã la là đàn ông, nhưng cũng có làng có những đội mã la do phụ nữ sử dụng (ở làng Maty, xã Phước Tân, huyện Bác Ái có đội mã la 12 chiếc do 12 phụ nữ biểu diễn). Tuy nhiên, theo chúng tôi, từ trước đến nay, các nghệ nhân sử dụng mã la là đàn ông, bởi vì mã la có những điệu rất mạnh mẽ, bốc lửa, khi sử dụng phải kèm theo những động tác mạnh mẽ. Đội mã la nữ có thể là

mới được hình thành sau này, theo yêu cầu của đạo diễn để tham gia hội diễn văn nghệ quần chúng.

Xưa kia, mã la chỉ được sử dụng theo một bộ chỉ có mã la. Ngày nay, phát triển từ phong trào văn nghệ quần chúng, hoà cùng mã la còn có người thổi khèn bầu (Taraken) và đánh trống đeo (Sagor) và dàn múa nữ. Sau khi mã la “mẹ” dẫn nhịp đầu, các mã la con hoà theo. Khi cả “gia đình” mã la đều đã lên tiếng và đã ổn định nhịp, các nghệ nhân bắt đầu khom lưng, hướng đầu về phía trước, ôm mã la trước bụng vừa đi ngược chiều kim đồng hồ, vừa múa, dùng phần mềm của gan bàn tay nắm lại gõ vào mặt ngoài của mã la. Tất cả âm sắc, trường độ, cao độ, âm bồi, âm tắc, độ vang đều do bàn tay để ở phần “bụng” (phần bên trong) của mã la điều khiển.

Trong số gần 100 bài mã la, có 3 bài độc đáo. Đó là các bài: Ru vợ, Ru vợ Poriyu Chrao và Atok Pakrup. Chúng tôi đã tiến hành ghi âm, ký âm một số bài.

Nét độc đáo của các bài bản mã la là nội dung các câu chuyện Raglai được kể bằng âm nhạc không lời. Ví dụ bài mã la “Chip Lugo” kể về một đôi trai gái yêu

nhau nhưng không lấy được nhau, lén lút vụng trộm đến với nhau rồi cùng chết đi, biến thành đôi chim Chuông (chim gọi bạn). Bài mã la là những tiếng kêu gọi nhau về đêm giữa hai đầu núi. Hay như bài mã la “Kalak Toah ia” (con ó đi tìm nước) là một câu chuyện cổ tích giữa con gà và con ó.

Có những bài mã la mang tính chất đối đáp, tâm sự giữa hai người. Những điều không nói được bằng lời, người Raglai phải dùng đến âm thanh của một loại nhạc cụ gõ bằng đồng, lúc bổng lúc trầm, lúc thủ thi tâm sự, lúc trào lên hừng hực niềm khát vọng. Có những bài mã la mang tính chất tin hiệu thông tin như báo tin trong nhà, trong làng có người chết. Trong lễ bỏ mả không thể thiếu mã la. Mã la đóng vai trò chủ đạo về “thông tin hai chiều” với thế giới thần linh. Sau khi lễ kết thúc, mã la lại thay cho tiếng nói trao đổi giữa các thành viên trong gia tộc, giữa nhà vợ và nhà chồng về việc tổ chức lễ bỏ mả cho người chết như vậy được chưa, hài lòng hay chưa hài lòng, những điềm lành, điềm dữ v.v... và những điều không nói được bằng lời khác.

### 3. Chiêng (ceng)

Người Raglai cũng có nhạc cụ chiêng. Khác với mã la (không có núm và đánh bằng nắm tay), chiêng là loại nhạc cụ có núm và đánh bằng dùi. Bộ chiêng của người Raglai thường có 3 chiếc theo 3 cấp độ: chiêng đại, chiêng trung và chiêng tiểu. Người Raglai cũng gọi là chiêng mẹ (Ina), Chiêng con (ana) và chiêng con út (Ana tuluih). Bộ chiêng Raglai thường được sử dụng trong một dàn nhạc với khèn bầu và trống.

### 4. Kết luận

Bài viết nhỏ này muốn giới thiệu một loại nhạc cụ công chiêng của tộc người có số dân khá đông là người Raglai (trên 90 nghìn người - số liệu năm 1999) và có một nền văn hóa cổ truyền phong phú. Mã la của người Raglai có thể chưa được đặt vào thể loại nhạc cụ chính, hoặc chưa được coi là quan trọng trong hồ sơ văn hóa công chiêng Tây Nguyên, nhưng chúng tôi cho rằng: mã la là một loại nhạc cụ gõ bằng đồng độc đáo của một trong những dân tộc Tây Nguyên đã tồn tại hàng bao đời nay, phải được đặt nằm chung trong sắc màu văn hóa công chiêng Tây Nguyên, cần được nghiên cứu, sưu tầm nghiêm túc để bổ sung vào hồ sơ về văn hóa công chiêng ở Việt Nam.